

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-PT

Ngày: 15-12-2022

V/v: Tranh chấp về ranh giới
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Dũng.

Các thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân
Bà Nguyễn Thị Thu Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 24 tháng 11 và ngày 15 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 25/2022/TLPT-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2022, về “*Tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 8, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần N– L sư
thuộc văn phòng L sư Hoàng Hà- Đoàn L sư tỉnh Yên Bái.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S
Cùng địa chỉ: Tổ dân phố số 8, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái
(Ông Ngô Tuấn L1 đã chết, bà Hoàng Thị S có mặt tại phiên tòa)

***- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa
quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Tuấn L1:***

1/ Chị Ngô Thị H

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh TB

2/ Anh Ngô Đức H1

Địa chỉ: Tổ dân phố số 8, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái

3/ Chị Ngô Thị H2

Địa chỉ: Tổ dân phố số 10, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái

4/ Anh Ngô Mạnh H3

Địa chỉ: Tổ 55 cụm 9, PT, quận TH, thành phố HN.

5/ Anh Ngô Tuấn H4

Địa chỉ: Căn hộ 1511A, toà nhà NT Home 109 phố Nh, phường PC, quận NTL, thành phố HN.

Cùng có mặt tại phiên toà.

Người kháng cáo là nguyên đơn, ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-7-2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T thống nhất trình bày:

Gia đình ông được cấp cho sử dụng 250m² đất tại tổ 8, thị trấn CP, huyện TY theo Quyết định số 166/QĐ-XDCB ngày 06-11-1991 của Ủy ban nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái. Bên cạnh là đất của gia đình ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S đang sử dụng. Sau khi được nhận đất, gia đình ông đã cắm hàng rào cây ô rô để làm ranh giới giữa hai nhà. Đến ngày 28-10-1999 gia đình ông được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: P217195 đối với thửa đất đang sử dụng, có diện tích là 251m² (có biến động tăng 01m² so với diện tích được cấp trước đó). Địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố số 8, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Năm 2005, gia đình ông Nguyễn Quang L bà Lê Thị T xây tường rào bằng gạch nung (tường rào 110cm bố trụ) thay thế cho tường rào bằng cây ô rô phía giáp ranh với gia đình ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S. Khi xây tường rào, gia đình ông bà đã xây từ phía sau ra phía công, theo ranh giới bằng cây ô rô được khoảng 10m thì hết vật liệu. Ông Ngô Tuấn L1 đã đề nghị phần còn lại để gia đình ông xây nốt ra đến đường giao thông. Vì tin tưởng nên ông Nguyễn Quang L đã để cho ông Ngô Tuấn L1 xây nốt phần tường còn lại và không kiểm tra ranh giới đất khi gia đình ông Ngô Tuấn L1 xây phần tường rào còn lại. Năm 2015 khi thị trấn CP tiến hành đo đạc lại đất đai của các gia đình đang sử dụng đất trên địa bàn, gia đình ông Nguyễn Quang L bà Lê Thị T mới phát hiện đất của nhà bị thiếu khoảng 50cm chiều dài theo mặt đường, so với số liệu được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã kiểm tra và thấy gia đình ông Ngô Tuấn L1 đã xây tường chéo sang đất nhà mình. Gia đình ông Nguyễn Quang L bà Lê Thị T đã nhắc nhở và đề

nghe gia đình ông Ngô Tuấn L1 tháo dỡ tường rào để trả lại phần đất này nhưng ông Ngô Tuấn L1 không thực hiện. Năm 2021 gia đình ông Nguyễn Quang L bà Lê Thị T đã đề nghị chính quyền địa phương giải quyết, nhưng không có kết quả do gia đình ông Ngô Tuấn L1 không hợp tác.

Do không hoà giải được tại cơ sở, nên ông Nguyễn Quang L bà Lê Thị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S trả lại diện tích khoảng 05m² có chiều ngang phía trước theo mặt đường ĐV là 0,5m, chiều sâu 20,3m, chiều ngang phía sau là 0,1m; yêu cầu gia đình bà Hoàng Thị S phải tháo dỡ phần tường rào đã xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm có chiều dài 7,1m.

Tại bản tự khai ngày 31-8-2021, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S trình bày: Năm 1991, gia đình ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S cùng được cấp đất và nhận đất với nguyên đơn ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T. Khi nhận đất, đường ranh giới giữa hai hộ gia đình là một đường thẳng từ mép đường giao thông vào. Sau đó bà T cắm hàng rào cây ô rô làm mốc giới. Năm 1992, gia đình ông L1 xây nhà ở nhưng cách mốc giới 0,50m không để giọt gianh chảy sang đất của nguyên đơn. Năm 1993, gia đình ông L bắt đầu xây dựng tường rào song song với tường nhà bị đơn, đến năm 2005 xây tiếp bằng gạch đỏ và chỉ còn lại 7m thì bà T đề nghị gia đình bị đơn xây tiếp nên ông Ngô Tuấn L1 xây tiếp nối hàng rào thành một đường thẳng đến hành lang đường giao thông. Năm 2015, huyện TY và thị trấn CP tiến hành đo đạc, kiểm tra đối với các hộ gia đình có phần diện tích đất thuộc sự quản lý của Nhà nước, các hộ gia đình đã đồng ý ký nhận trả lại phần đất thừa. Năm 2020, gia đình ông L, bà T xây nhà đồng thời vẫn để hàng rào đã xây trước đó làm tường bao quanh và sử dụng. Nay gia đình bị đơn xác định ranh giới với gia đình nguyên đơn đã tồn tại 30 năm kể từ ngày cấp đất, hàng rào giữa hai gia đình là một đường thẳng đã tồn tại 16 năm. Vì vậy gia đình bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định không lấn chiếm đất, hơn nữa đối với phần tường ông L, bà T xây song song với tường nhà bị đơn hiện đã bị nứt gãy, nghiêng sang phía nhà ở của bị đơn nên không thể có sự việc bị đơn lấn chiếm đất.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 21-10-2021, bị đơn ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S đồng ý trả 10cm mặt đường cho nguyên đơn do xác định khi UBND thị trấn tiến hành kiểm tra xác định phần tường rào ông Ngô Tuấn L1 xây bị chéo sang phía gia đình nguyên đơn 10cm. Ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S nhất trí với giá trị diện tích đất đang có tranh chấp mà nguyên đơn đưa ra là 2.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Ngô Tuấn L1

gồm bà Hoàng Thị S, chị Ngô Thị H, anh Ngô Đức H1, chị Ngô Thị H2, anh Ngô Tuấn H4, anh Ngô Mạnh H3 thống nhất trình bày: Không đồng ý trả lại diện tích đất chiều ngang mặt đường 10cm do xác định không có lấn chiếm. Với lý do: Năm 1991, gia đình ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S được UBND huyện TY giao 250m² đất ở, đến năm 1998 được UBND tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ số sê ri L 333257, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 00109 QSDĐ/284QĐUBT T109Q1Đ/c ngày 23-9-1998 được quyền sử dụng thửa số 23, diện tích 250,0m² đất, mục đích sử dụng đất ở lâu dài tại tờ bản đồ số 4.C.I. Địa chỉ thửa đất tại Khu phố 8 (nay là Tổ dân phố số 8), thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Thửa đất trên được ông L1, bà S sử dụng ổn định hơn 30 năm không có biến động, không coi nói và không có tranh chấp nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vô lý và không có căn cứ. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác định diện tích 250m² đất là tài sản chung của hộ gia đình ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S, không lấn chiếm nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01-7-2022 đã xác định: Diện tích đất tranh chấp là 5,8m² có các cạnh giáp ranh như sau: Phía Bắc giáp đất hộ ông Nguyễn Quang L đang sử dụng (Từ điểm A10 đến điểm A11) Có chiều dài 23,4m. Trùng với mép gạch ngoài đồng thời cũng là hiện trạng sử dụng của hộ ông Nguyễn Quang L. Phía Nam giáp thửa đất hộ bà Hoàng Thị S đang sử dụng (Từ điểm A11 đến điểm A1) có chiều dài 23,3m (Gồm 02 đoạn thẳng, mốc giới do ông Nguyễn Quang L xác định). Phía Đông giáp hành lang giao thông đường ĐV (Từ điểm A10 đến điểm A1) có chiều dài 0,4m.

Kết quả lồng ghép sơ đồ hiện trạng sử dụng đất với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai gia đình thể hiện: Ranh giới quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T phía giáp với đường ĐV từ điểm A9 đến cách điểm A10 (Cách ranh giới hiện trạng sử dụng đất thực tế là bức tường do gia đình bà Hoàng Thị S xây) là 0,3m về phía đất nhà bà Hoàng Thị S đang sử dụng.

Ranh giới quyền sử dụng đất hộ gia đình bà Hoàng Thị S, ông Ngô Tuấn L1 phía giáp với đường ĐV được xác định gồm các điểm A2; A10. Ranh giới phía giáp với đất nhà ông Nguyễn Quang L, Lê Thị T là đường nối từ điểm A10 đến A7 (Trùng với bức tường xây giữa hai nhà, là ranh giới thực tế hai gia đình đang sử dụng đất)

Tại bản án số 06/2022/DS-ST ngày 16-9-2022, Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ L Tổ tụng dân sự; các Điều 166, 175 Bộ L Dân sự; các Điều 166, 170, 203 L Đất đai; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang L về việc: Buộc bà Hoàng Thị S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Tuấn L1 phải trả lại diện tích đã lấn chiếm là 5,8 m² và tháo dỡ tường rào bằng gạch dài 7, 1 m”.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang L phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.187.000 đồng (Tám triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Xác nhận bà T, ông L đã nộp đủ.

Ngoài ra, trong phần quyết định của bản án còn tuyên về trách nhiệm chịu chi phí tố tụng, án phí; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn bà Lê Thị T kháng cáo không nhất trí với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái vì gia đình ông bà đã được cấp đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái công nhận quyền sử dụng đất có chiều mặt đường là 12,5m. Việc gia đình ông bà thiếu đất là do gia đình bà Hoàng Thị S đã xây tường rào lấn sang đất của gia đình ông bà. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà là không đúng.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để xác định lại tọa độ các điểm mốc ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai gia đình, được xác lập năm 1996 có trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Tuấn L1 trình bày: Không nhất trí với kháng cáo của ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái. Nhất trí ngừng phiên tòa để xác định lại các mốc tọa độ ranh giới giữa hai gia đình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và hợp lệ. Đề nghị của nguyên

đơn về việc xác định lại toạ độ các mốc ranh giới là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét, thẩm định bổ sung.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, Hội đồng xét xử đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định lại toạ độ của độ mốc giới thửa đất số 286, tờ bản đồ F48. 78. 4. A. III được xác định năm 1996, cụ thể:

Điểm 3: điểm mia 217, toạ độ X 7001.961, điểm Y 82383.458

Điểm 4: điểm mia 985, toạ độ X 6988.363, điểm Y 82359.072

Và các điểm toạ độ mốc giới thửa đất số 23, tờ bản đồ F48. 78. 4. C. I được xác định năm 1996, cụ thể:

Điểm 1: điểm mia 217, toạ độ X 7001.961, điểm Y 82383.458

Điểm 6: điểm mia 985, toạ độ X 6988.363, điểm Y 82359.072

Để làm rõ ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình nguyên đơn và bị đơn khi các gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thực địa. Qua xác định toạ độ trên thực địa, thể hiện điểm 3 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Quang L và điểm 1 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Ngô Tuấn L1 có toạ độ trùng nhau. Vị trí cách chân tường phía nhà ông Ngô Tuấn L1 10cm về phía đất nhà ông Ngô Tuấn L1. Điểm 4 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Quang L và điểm 6 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Ngô Tuấn L1 có toạ độ trùng nhau. Vị trí cách chân tường phía nhà ông Ngô Tuấn L1 15cm về phía đất nhà ông Nguyễn Quang L.

Sau khi xem xét, thẩm định bổ sung, tại phiên toà nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 16-9-2022 của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái theo hướng buộc gia đình bà Hoàng Thị S phải trả lại cho gia đình nguyên đơn 5,8m² đất, có chiều dài theo mặt đường ĐV, thị trấn CP là 0,5m.

Bị đơn có ý kiến: Nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08-12-2022. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 16-9-2022 của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tại phiên toà: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 16-9-2022 của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái. Theo kết quả xem xét, thẩm định bổ sung ngày 08-12-2022.

Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày, tranh luận của các đương sự và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất là đúng. Đã xác định đúng, đủ về người tham gia tố tụng và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ.

Do là tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét để xác định ranh giới giữa các thửa đất. Không xác định diện tích đất chênh lệch khi xác định lại ranh giới theo các mốc tọa độ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời khai của các đương sự đều thể hiện năm 1991 hộ gia đình ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T và hộ ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S cùng được Ủy ban nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái cấp đất làm nhà ở, vị trí hai thửa đất cấp cho hai nhà sát cạnh nhau. Năm 1996, cả hai nhà đã được cơ quan chức năng lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi lập hồ sơ, cơ quan chuyên môn đã xác định các điểm tọa độ góc diện tích đất của các hộ gia đình. Theo hồ sơ thửa đất số 23 của gia đình ông Ngô Tuấn L1 và thửa đất số 286 của gia đình ông Nguyễn Quang L (Được lập năm 1996) thể hiện ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai nhà có điểm tọa độ chung phía trước gồm: Mốc số 03 nhà ông Nguyễn Quang L và mốc số 01 nhà ông Ngô Tuấn L1 là: X 7001.961; Y 82383.458. Điểm tọa độ chung phía sau gồm: Mốc số 04 ông Nguyễn Quang L và mốc số 06 nhà ông Ngô Tuấn L1 là: X 6988.363, điểm Y 82359.072.

Như vậy, việc xác định ranh giới đất đối với hai thửa đất liền kề đã được xác định có các điểm tọa độ chung. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 08 tháng 12 năm 2022. Đã xác định: “Điểm 3 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Quang L và điểm 1 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Ngô Tuấn L1 có tọa độ trùng nhau. Vị trí cách chân tường phía nhà ông Ngô Tuấn L1 10cm về phía đất nhà ông Ngô Tuấn L1. Điểm 4 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Quang L và điểm 6 trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất của hộ Ông Ngô Tuấn L1 có toạ độ trùng nhau. Vị trí cách chân tường phía nhà ông Ngô Tuấn L1 15cm về phía đất nhà ông Nguyễn Quang L”.

[2.2] Theo lời khai của bà Lê Thị T, ông Nguyễn Quang L thì thửa đất của gia đình ông bà có cạnh giáp thửa đất nhà ông Ngô Tuấn L1 là một đường thẳng từ phía giáp đường ĐV ra phía sau. Lời khai của bà Lê Thị T, ông Nguyễn Quang L phù hợp với sơ đồ thể hiện trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà, có cạnh giáp đất hộ ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S là đường thẳng từ điểm 3 đến điểm 4.

Như vậy, có căn cứ để xác định ranh giới quyền sử dụng đất của hộ gia đình bà Lê Thị T, ông Nguyễn Quang L là đường thẳng kéo dài từ điểm 3, có toạ độ X 7001.961; Y 82383.458 *(Theo hệ toạ độ HN72)* đồng thời là toạ độ X(m) 2406803.520; Y(m) 508078.771 *(Theo hệ toạ độ VN 2000)*. Đến điểm 4 có toạ độ X 6988.363, điểm Y 82359.072 *(Theo hệ toạ độ HN72)*. Là toạ độ X(m) 2406789.884; Y(m) 508054.409 *(Theo hệ toạ độ VN 2000)*. Điểm 3 cách chân tường xây dịch sang phía nhà ông Ngô Tuấn L1 là 10cm. Điểm 4 cách chân tường xây *(mép tường xây phía nhà ông Ngô Tuấn L1)* dịch sang phía đất nhà ông Nguyễn Quang L 15cm.

Với nội dung xem xét, thẩm định như trên, việc nguyên đơn ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T cho rằng gia đình ông Ngô Tuấn L1 xây lấn sang 0,5m đất phía trước của gia đình ông, phía giáp với mặt đường ĐV là không có căn cứ.

[3] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn, ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T:

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Không có căn cứ để khẳng định gia đình ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S đã xây tường lấn chiếm sang đất nhà ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T 5,8m², có chiều theo mặt đường ĐV là 0,5m như nội dung nguyên đơn yêu cầu giải quyết; Ranh giới quyền sử dụng đất phía trước theo toạ độ cấp giấy giữa hai hộ gia đình lệch về phía đất gia đình ông Ngô Tuấn L1, bà Hoàng Thị S là 10cm phía đường ĐV. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định lại ranh giới của hai gia đình là đường thẳng từ điểm toạ độ: X 7001.961; Y 82383.458 *(Theo hệ toạ độ HN72)*, là toạ độ X(m) 2406803.520; Y(m) 508078.771 *(Theo hệ toạ độ VN 2000)*. Điểm này cách chân tường xây 10cm về phía đất nhà ông Ngô Tuấn L1 *(Chân tường được tính từ mép tường phía nhà ông Ngô Tuấn L1)*. Đến điểm toạ độ X 6988.363, điểm Y 82359.072 *(Theo hệ toạ độ HN72)* là toạ độ X(m) 2406789.884; Y(m) 508054.409 *(Theo hệ toạ độ VN 2000)*. Gia đình bà

Hoàng Thị S phải có nghĩa vụ trả lại cho gia đình ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T 10cm đất rộng theo chiều mặt đường ĐV, thị trấn CP, huyện TY và diện tích đất kéo dài vào phía sau theo ranh giới đã được xác định. (*Theo sơ đồ xem xét, thẩm định ngày 08-12-2022*). Việc sửa bản án sơ thẩm là do phát sinh tình tiết mới, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

Đối với điểm toạ độ số 4 ở phía sau, qua thẩm định đã xác định nằm trên đất nhà ông Nguyễn Quang L, cách mép tường xây 15cm (*cách mép chân tường rào xây đo bên phía nhà ông Ngô Tuấn L1*). Như vậy, gia đình ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T đã xây tường lấn sang đất nhà bà Hoàng Thị S 15cm ở phía sau. Do phía bị đơn không có yêu cầu xác định ranh giới phía sau và đòi lại phần diện tích đất gia đình ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T đang xây tường lấn sang. Nên nội dung này cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, nội dung này không thuộc phạm vi giải quyết tại cấp phúc thẩm. Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu các đương sự có yêu cầu.

[4] Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần, nên cần tính toán lại chi phí xem xét, thẩm định và án phí như sau:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại 50cm đất theo chiều rộng của đường ĐV, sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ, đã xác định ranh giới đất của nguyên đơn dịch chuyển về phía đất của bị đơn là 10cm tính từ mép chân tường rào. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần bằng 1/5 yêu cầu khởi kiện ban đầu. Vì vậy nguyên đơn phải chịu 4/5 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền cụ thể là: 8.187.000 đồng (*Chi phí thẩm định lần đầu*) + 2.200.000 đồng (*Chi phí thẩm định bổ sung*) X 4/5 = 8.309.600 đồng (*Tám triệu ba trăm linh chín ngàn sáu trăm đồng*). Phía bị đơn do phải trả lại cho phía nguyên đơn 10cm đất, tương đương 1/5 yêu cầu khởi kiện nên phải chịu chi phí xem xét, thẩm định là 2.077.400 đồng (*Hai triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm đồng*). Do bà Lê Thị T, ông Nguyễn Quang L đã nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên bà Hoàng Thị S có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Lê Thị T, ông Nguyễn Quang L số tiền 2.077.400 đồng nêu trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 148; 157, 158, 293; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 16-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái, như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 175 Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 170, 203 luật Đất đai; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang L: Buộc bà Hoàng Thị S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngô Tuấn L1 phải trả lại 10cm chiều rộng (*tính từ mép tường rào xây phía đất nhà bà Hoàng Thị S*) theo mặt đường ĐV, có địa chỉ tại tổ dân phố số 8, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Và xác định lại ranh giới đất giữa gia đình bà Lê Thị T, ông Nguyễn Quang L với gia đình bà Hoàng Thị S, ông Ngô Tuấn L1 là đường thẳng từ điểm toạ độ X 7001.961; Y 82383.458 (*Theo hệ toạ độ HN72*) quy đổi là toạ độ X(m) 2406803.520; Y(m) 508078.771 (*Theo hệ toạ độ VN 2000*). Đến điểm toạ độ X 6988.363, điểm Y 82359.072 (*Theo hệ toạ độ HN72*) quy đổi là toạ độ X(m) 2406789.884; Y(m) 508054,409 (*Theo hệ toạ độ VN 2000*).

(Có sơ đồ xem xét, thẩm định kèm theo)

1.2. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang L phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 8.309.600 đồng (*Tám triệu ba trăm linh chín ngàn sáu trăm đồng*). Xác nhận bà Lê Thị T, ông Nguyễn Quang L đã nộp đủ. Bà Hoàng Thị S phải chịu 2.077.400 đồng (*Hai triệu không trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do gia đình bà Lê Thị T, ông Nguyễn Quang L đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bà Hoàng Thị S phải trả lại cho ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T số tiền này.

Kể từ ngày ông Nguyễn Quang L, bà Lê Thị T có yêu cầu thi hành án, nếu bà Hoàng Thị S chưa thi hành xong khoản tiền phải trả nêu trên thì còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Hoàng Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn trả số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số AA/2017/0008768 ngày 29-9-2021 và số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0001947 ngày 30-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện TY.
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện TY.
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA . (15b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng